

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Tháng 08 năm 2020

## MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4-5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6-7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10-31

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 31/12/2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TTE.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là TTE.

Trụ sở chính của Công ty: 507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 31/12/2019 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng).

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tham gia quản lý và điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Đinh Xuân Hoàng	Chủ tịch Hội đồng quản trị		
Ông Nguyễn Ngọc Tường	Phó Chủ tịch HĐQT		19/02/2020
Ông Lê Văn Khoa	Thành viên		19/02/2020
Ông Nguyễn Văn Quân	Thành viên độc lập	19/02/2020	
Ông Trần Văn Hải	Thành viên		
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên độc lập	19/02/2020	
Ông Phạm Văn Lợi	Thành viên		19/02/2020
Ông Trần Quang Chung	Thành viên		
<b>Ban Giám đốc</b>			
Ông Trần Quang Chung	Tổng Giám đốc		
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc		
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng Ban kiểm soát		
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên		
Ông Lê Nhất Minh Xuân	Thành viên		19/02/2020
Ông Lê Quốc Anh	Thành viên	19/02/2020	
<b>Kế toán Công ty</b>			
Ông Hoàng Hữu Điền	Kế toán trưởng		

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về Hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đại diện pháp luật của Công ty,



**Trần Quang Chung**  
**Tổng Giám đốc**

Kon Tum, ngày 24 tháng 08 năm 2020

Số: 684/2020/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020  
của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Kính gửi: **Các Quý Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, được lập ngày 24 tháng 08 năm 2020, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**Vũ Ngọc Ân**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số 01/2020/UQ-CPAVIETNAM ngày 02/01/2020

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

	MS	TM	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>55.288.082.247</b>	<b>80.257.214.010</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.01</b>	<b>3.266.787.812</b>	<b>20.387.347.991</b>
1. Tiền	111		3.266.787.812	20.387.347.991
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>51.799.605.147</b>	<b>59.430.955.749</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	5.642.872.191	12.318.162.080
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	850.047.943	783.193.255
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	45.306.685.013	46.329.600.414
<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>221.689.288</b>	<b>438.910.270</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.05	221.689.288	438.910.270
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>476.304.747.296</b>	<b>488.488.592.690</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>217.033.000</b>	<b>217.033.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.04	217.033.000	217.033.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>304.053.015.325</b>	<b>316.253.496.664</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.06	304.053.015.325	316.253.496.664
- Nguyên giá	222		472.507.673.222	472.343.900.495
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(168.454.657.897)	(156.090.403.831)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>170.520.000.000</b>	<b>170.520.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.07	170.520.000.000	170.520.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.514.698.971</b>	<b>1.498.063.026</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.05	1.514.698.971	1.498.063.026
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>531.592.829.543</b>	<b>568.745.806.700</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

	MS	TM	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>245.425.386.458</b>	<b>258.162.533.919</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>47.175.386.458</b>	<b>40.812.533.919</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.08	293.716.000	361.373.536
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.09	7.671.929.610	11.307.031.140
3. Phải trả người lao động	314		739.198.649	1.005.442.716
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	5.086.830.281	1.570.282.958
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	218.997.668	139.389.319
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	33.150.000.000	26.250.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.714.250	179.014.250
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>198.250.000.000</b>	<b>217.350.000.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	198.250.000.000	217.350.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>286.167.443.085</b>	<b>310.583.272.781</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.13</b>	<b>286.167.443.085</b>	<b>310.583.272.781</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.904.000.000	284.904.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		284.904.000.000	284.904.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.263.443.085	25.679.272.781
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		8.585.032.781	14.805.882.758
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(7.321.589.696)	10.873.390.023
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>531.592.829.543</b>	<b>568.745.806.700</b>

Kon Tum, ngày 24 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu

  
 Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng

  
 Hoàng Hữu Điền

Tổng Giám đốc





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	24.885.095.038	49.338.562.782
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		24.885.095.038	49.338.562.782
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	17.276.467.179	19.155.840.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.608.627.859	30.182.722.282
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	27.128.508	21.203.552
7. Chi phí tài chính	22	6.04	13.071.191.167	16.054.110.834
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.071.191.167	16.054.110.834
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.05	1.789.868.457	2.537.086.016
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.225.303.257)	11.612.728.984
11. Thu nhập khác	31	6.06	24.993.185	53.400
12. Chi phí khác	32	6.06	96.849.687	103.389.632
13. Lợi nhuận khác	40	6.06	(71.856.502)	(103.336.232)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.297.159.759)	11.509.392.752
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.07	24.429.937	636.002.729
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.321.589.696)	10.873.390.023

Người lập biểu



Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng



Hoàng Hữu Điền

Kon Tum, ngày 24 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc



Trần Quang Chung

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(7.297.159.759)	11.509.392.752
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		12.364.254.066	12.470.636.592
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(27.128.508)	(21.203.552)
- Chi phí lãi vay	06		13.071.191.167	16.054.110.834
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		18.111.156.966	40.012.936.626
- Tăng các khoản phải thu	09		7.631.350.602	(32.187.734.173)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.913.824.721)	71.453.223
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		200.585.037	(168.372.827)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.554.643.844)	(14.521.942.626)
- Thuế TNDN đã nộp	15		-	(277.004.619)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(164.300.000)	(286.370.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.310.324.040	(7.357.034.396)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(163.772.727)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		27.128.508	21.203.552
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(136.644.219)	21.203.552
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(12.200.000.000)	(14.800.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.094.240.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.294.240.000)	(14.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(17.120.560.179)	(22.135.830.844)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.387.347.991	27.590.778.214
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		3.266.787.812	5.454.947.370

Kon Tum, ngày 24 tháng 08 năm 2020

Người lập biểu



Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng



Hoàng Hữu Điền

Tổng Giám đốc



Trần Quang Chung

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 31/12/2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TTE.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là TTE.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ sáu ngày 31/12/2019 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty: 507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Điện thoại: (84-6).03868119

Fax: (84-6).03868901

E-mail: info@dakne.vn

Website: www.dientruongthinh.vn

Người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc.

Số lao động bình quân trong kỳ là 41 người.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiều liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước, viễn thông).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/06/2020, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>			
1	Công ty TNHH Trung Việt	Lô T2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	98%
<b>II</b>	<b>Đơn vị trực thuộc</b>			
1	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam	Thôn 2, Xã Trà Giác, Huyện Bắc Trà My, Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%
2	Văn phòng Đại diện Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại TP Đà Nẵng	Tầng 4, Tòa nhà Ricco, 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng		100%

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Ngoài ra Công ty còn định kỳ lập báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Kỳ kế toán trong Báo cáo này là từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán, ước tính kế toán, tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, đảm bảo khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

##### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

##### Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

##### Các khoản đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

##### Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

##### **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013; Thông tư 147/2016/TT-BTC hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi Thông tư 45/2013/TT-BTC về trích khấu hao tài sản cố định hiệu lực từ 28/11/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC hướng dẫn chế độ, quản lý, sử dụng, và trích khấu hao TSCĐ.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	15-25
Máy móc và thiết bị	3-12
Phương tiện vận tải	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 36 tháng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 16 - Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân

đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

#### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
  - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
  - Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

#### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Thu nhập chịu thuế của Công ty là từ hoạt động kinh doanh của Nhà máy thủy điện ĐăkNe và Nhà máy thủy điện Tà Vi. Do Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên cũ là Công ty CP Thủy điện ĐăkNe) được tách ra từ Công ty CP Tấn Phát và nhà máy thủy điện ĐăkNe, sau đó bàn giao lại cho Công ty CP Thủy điện ĐăkNe vận hành. Theo quy định tại khoản 3, điều 20, nghị định số 218/2013/NĐ-CP quy định về kế thừa các ưu đãi thuế thì thu nhập từ Nhà máy thủy điện ĐăkNe được kế thừa toàn bộ ưu đãi thuế TNDN còn lại của Công ty CP Tấn Phát, cụ thể:

- Thuế suất ưu đãi 10% áp dụng trong vòng 11 năm kể từ năm 2014.
- Giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

### **Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Người quản lý của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

### **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Bộ phận kinh doanh chính của Công ty là Sản xuất, truyền tải và phân phối điện trên cùng khu vực địa lý là Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.01 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	589.039.341	43.660.202
Tiền gửi ngân hàng	2.677.748.471	20.343.687.789
<b>Cộng</b>	<b>3.266.787.812</b>	<b>20.387.347.991</b>

5.02 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tổng công ty điện lực Miền Trung	5.642.872.191	11.478.162.080
Ông Nguyễn Ngọc Trung	-	840.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.642.872.191</b>	<b>12.318.162.080</b>

5.03 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Hợp tác xã vận tải cơ giới Quyết Tiến	71.024.000	71.024.000
Hợp tác xã vận tải và dịch vụ Pleiku	64.000.000	18.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật TDMN	181.028.000	-
Công ty CP Tư vấn và xây lắp Miền Trung	162.260.000	-
Công ty TNHH Sóng ngầm	-	235.000.000
Trả trước các đối tượng khác	371.735.943	459.169.255
<b>Cộng</b>	<b>850.047.943</b>	<b>783.193.255</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Bảo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.04 Phải thu khác**

Đơn vị: VND

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>45.306.685.013</b>	-	<b>46.329.600.414</b>	-
- Phải thu tạm ứng (*)	45.306.685.013	-	4.326.953.414	-
- Phải thu khác	-	-	42.002.647.000	-
<i>Công ty TNHH Trung Việt</i>	-	-	42.002.647.000	-
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>217.033.000</b>	-	<b>217.033.000</b>	-
- Ký quỹ, ký cược (thuê nhà)	217.033.000	-	217.033.000	-
<b>Cộng</b>	<b>45.523.718.013</b>	-	<b>46.546.633.414</b>	-

(\*) Khoản tạm ứng các cá nhân để triển khai thực hiện dự án theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-TTE ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Hội đồng quản trị về việc triển khai các Dự án điện mặt trời khu vực Miền trung Tây Nguyên.

**5.05 Chi phí trả trước**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>221.689.288</b>	<b>438.910.270</b>
Chi phí thuê VP	138.000.000	105.000.000
Chi phí bảo hiểm	83.689.288	333.910.270
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.514.698.971</b>	<b>1.498.063.026</b>
Công cụ dụng cụ	21.773.949	13.925.311
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	1.492.925.022	1.484.137.715
<b>Cộng</b>	<b>1.736.388.259</b>	<b>1.936.973.296</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.06 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị : VND Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2020	468.660.950.120	248.700.000	3.384.050.375	50.200.000	472.343.900.495
Tăng trong kỳ	-	163.772.727	-	-	163.772.727
Mua trong kỳ	-	163.772.727	-	-	163.772.727
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2020	468.660.950.120	412.472.727	3.384.050.375	50.200.000	472.507.673.222
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2020	154.479.047.599	127.866.676	1.433.289.556	50.200.000	156.090.403.831
Tăng trong kỳ	12.096.767.820	11.872.476	255.613.770	-	12.364.254.066
Khấu hao trong kỳ	12.096.767.820	11.872.476	255.613.770	-	12.364.254.066
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2020	166.575.815.419	139.739.152	1.688.903.326	50.200.000	168.454.657.897
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2020	314.181.902.521	120.833.324	1.950.760.819	-	316.253.496.664
Tại ngày 30/06/2020	302.085.134.701	272.733.575	1.695.147.049	-	304.053.015.325

Như trình bày tại thuyết minh 5.12, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2020 là 302.085.134.701 VND để cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết còn sử dụng tại 30/6/2020 148.900.000 VND (Tại 01/01/2020 là 148.900.000 VND).

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu B09a-DN

#### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

##### 5.07 Đầu tư vào công ty con

Đơn vị: VND	Tỷ lệ		30/06/2020		01/01/20120	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
Công ty TNHH Trung Việt	98%	98%	170.520.000.000	-	170.520.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>98%</b>	<b>98%</b>	<b>170.520.000.000</b>	<b>-</b>	<b>170.520.000.000</b>	<b>-</b>

Năm 2016, Công ty nhận chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Trung Việt thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ kể từ ngày 15/6/2016 với số tiền là 170.520.000.000 VND, chiếm 98% vốn điều lệ của Công ty TNHH Trung Việt. Hoạt động chính của Công ty TNHH Trung Việt là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Công ty TNHH Trung Việt được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên trở lên số 6100221010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp ngày 22 tháng 3 năm 2006, Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 31 tháng 08 năm 2017. Theo Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020 đã được soát xét, Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty TNHH Trung Việt bị lỗ. Tuy nhiên đây là kỳ kế toán đầu tiên Công ty này bị lỗ và là thời điểm giữa niên độ, do đó Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

(\*) Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 30/06/2020 cần được trình bày. Tuy nhiên, do Công ty TNHH Trung Việt chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên tại ngày 30/06/2020.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.08 Phải trả người bán ngắn hạn**

*Đơn vị: VND*

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Tư vấn xây dựng năng lượng tái tạo	41.536.000	41.536.000	41.536.000	41.536.000
Công ty cổ phần Tấn phát	200.000.000	200.000.000	295.000.000	295.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM	34.100.000	34.100.000	-	-
Hợp tác xã vận tải & dịch vụ Pleiku	18.080.000	18.080.000	-	-
Phải trả người bán khác	-	-	24.837.536	24.837.536
<b>Cộng</b>	<b>293.716.000</b>	<b>293.716.000</b>	<b>361.373.536</b>	<b>361.373.536</b>

**5.09 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Đơn vị: VND*

Nội dung	01/01/2020	Số phát sinh trong kỳ		30/06/2020
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	4.099.392.139	2.344.316.611	4.059.449.647	2.384.259.103
Thuế thu nhập doanh nghiệp	832.531.347	24.429.937	-	856.961.284
Thuế thu nhập cá nhân	31.176.762	788.359.849	30.889.544	788.647.067
Thuế tài nguyên	4.322.040.511	1.549.570.855	2.949.670.920	2.921.940.446
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.021.890.381	781.884.426	2.083.653.097	720.121.710
<b>Cộng</b>	<b>11.307.031.140</b>	<b>5.491.561.678</b>	<b>9.126.663.208</b>	<b>7.671.929.610</b>

**5.10 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	5.086.830.281	1.570.282.958
<b>Cộng</b>	<b>5.086.830.281</b>	<b>1.570.282.958</b>

**5.11 Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	130.562.152	62.022.188
Bảo hiểm y tế	14.132.276	8.572.687
Bảo hiểm thất nghiệp	6.127.703	4.833.906
Phải trả, phải nộp khác	68.175.537	63.960.538
<b>Cộng</b>	<b>218.997.668</b>	<b>139.389.319</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B 09a-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.12 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2020		Phát sinh trong kỳ			01/01/2020	Đơn vị: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn Ngân hàng ( Nợ dài hạn đến hạn trả)	33.150.000.000	33.150.000.000	19.100.000.000	12.200.000.000	26.250.000.000	26.250.000.000	
- Ngân hàng Agribank - CN Kon Tum	7.150.000.000	7.150.000.000	2.600.000.000	-	4.550.000.000	4.550.000.000	
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (ii)	26.000.000.000	26.000.000.000	16.500.000.000	12.200.000.000	21.700.000.000	21.700.000.000	
Vay dài hạn ngân hàng	198.250.000.000	198.250.000.000	-	19.100.000.000	217.350.000.000	217.350.000.000	
- Ngân hàng Agribank - CN Kon Tum	57.950.000.000	57.950.000.000	-	2.600.000.000	60.550.000.000	60.550.000.000	
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (ii)	140.300.000.000	140.300.000.000	-	16.500.000.000	156.800.000.000	156.800.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>231.400.000.000</b>	<b>231.400.000.000</b>	<b>19.100.000.000</b>	<b>31.300.000.000</b>	<b>243.600.000.000</b>	<b>243.600.000.000</b>	

(i) Khoản vay của Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum là khoản vay dài hạn bằng VND theo Hợp đồng Tín dụng số 01/2016/HHTD-TV ngày 28/12/2016 với thời hạn cho vay là 144 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích sử dụng để thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Hợp đồng chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Tà Vi số 01/2016/HHCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Ne (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng Trường Thịnh) và Công ty TNHH Nước Vin. Khoản vay chịu lãi suất theo hình thức thả nổi được điều chỉnh tối đa 3 tháng 1 lần. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 100% giá trị Công trình Nhà máy thủy điện Tà Vi tại thôn 1 xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

(ii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội là khoản vay dài hạn bằng VND theo Hợp đồng Tín dụng số 031-14/HHTD ngày 31/12/2014 với thời hạn vay 144 tháng nhằm mục đích tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện ĐắkNe. Lãi suất vay là lãi biến động và kỳ điều chỉnh được quy định trên từng giấy nhận nợ, lãi suất áp dụng theo thông báo của VAB tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nhận nợ cụ thể. Công ty sử dụng toàn bộ giá trị Nhà máy thủy điện ĐắkNe để thế chấp cho khoản vay này.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị: VND Cộng
Số dư tại 01/01/2019	284.904.000.000	4.915.857.155	289.819.857.155
Tăng trong năm	-	21.161.536.434	21.161.536.434
Lợi nhuận tăng trong năm	-	21.161.536.434	21.161.536.434
Giảm trong năm	-	398.120.808	398.120.808
Trích lập các quỹ	-	398.120.808	398.120.808
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>284.904.000.000</b>	<b>25.679.272.781</b>	<b>310.583.272.781</b>
Số dư 01/01/2020	284.904.000.000	25.679.272.781	310.583.272.781
Tăng trong kỳ	-	(7.321.589.696)	(7.321.589.696)
Lỗi tăng trong kỳ	-	(7.321.589.696)	(7.321.589.696)
Giảm trong kỳ	-	17.094.240.000	17.094.240.000
Chia cổ tức (*)	-	17.094.240.000	17.094.240.000
<b>Số dư tại 30/06/2020</b>	<b>284.904.000.000</b>	<b>1.263.443.085</b>	<b>286.167.443.085</b>

(\*): Công ty chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 78/2019/NQ-TTE ngày 07/06/2019, theo đó Công ty dự kiến chia cổ tức 17.094.240.000 VND. Công ty thực hiện chia cổ tức trong năm 2020.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	30/06/2020		01/01/2020	
	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Vốn góp của các cổ đông	28.490.400	100,00%	28.490.400	100,00%
<b>Cộng</b>	<b>28.490.400</b>	<b>100,00%</b>	<b>28.490.400</b>	<b>100,00%</b>

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại đầu kỳ	284.904.000.000	284.904.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	284.904.000.000	284.904.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia, trích lập các quỹ	17.094.240.000	398.120.808



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****d. Cổ phiếu**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

N. 010  
ÔNG  
TNH  
ỀM T  
A VIE  
HÀ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**  
 Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.01 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Doanh thu bán điện nhà máy ĐăkNe	21.066.808.874	41.879.765.684
Doanh thu bán điện nhà máy Tà Vi	3.818.286.164	7.458.797.098
<b>Cộng</b>	<b>24.885.095.038</b>	<b>49.338.562.782</b>

**6.02 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Giá vốn của nhà máy ĐăkNe	14.004.945.128	15.818.572.502
Giá vốn của nhà máy Tà Vi	3.271.522.051	3.337.267.998
<b>Cộng</b>	<b>17.276.467.179</b>	<b>19.155.840.500</b>

**6.03 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lãi tiền gửi	27.128.508	21.203.552
<b>Cộng</b>	<b>27.128.508</b>	<b>21.203.552</b>

**6.04 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Chi phí lãi tiền vay	13.071.191.167	16.054.110.834
<b>Cộng</b>	<b>13.071.191.167</b>	<b>16.054.110.834</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**6.05 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.001.849.082	936.725.320
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.884.694	42.077.880
Chi phí khấu hao TSCĐ	94.265.910	206.270.910
Thuế, phí, lệ phí	10.747.920	15.664.649
Chi phí dịch vụ mua ngoài	243.673.197	224.041.835
Chi phí khác bằng tiền	435.447.654	1.112.305.422
<b>Cộng</b>	<b>1.789.868.457</b>	<b>2.537.086.016</b>

**6.06 Thu nhập khác và chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>24.993.185</b>	<b>53.400</b>
Xử lý công nợ	24.837.536	-
Thu nhập khác	155.649	53.400
<b>Chi phí khác</b>	<b>96.849.687</b>	<b>103.389.632</b>
Xử lý công nợ	92.482.207	-
Chi phí khác	4.367.480	103.389.632
<b>Lợi nhuận/(lỗ) khác</b>	<b>(71.856.502)</b>	<b>(103.336.232)</b>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6.07 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.297.159.759)	11.509.392.752
Điều chỉnh tăng các chi phí không được trừ	198.049.687	103.336.232
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(7.495.209.446)</b>	<b>11.612.728.984</b>
Thu nhập chịu thuế suất 10%	101.200.000	11.243.691.655
Thu nhập chịu thuế suất 20%	96.849.687	369.090.729
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>24.429.937</b>	<b>636.002.729</b>
Thuế TNDN phải nộp 10%	10.120.000	1.124.369.165
Thuế TNDN phải nộp 20%	19.369.937	73.818.146
Thuế TNDN được miễn, giảm	(5.060.000)	(562.184.583)

Thu nhập chịu thuế của Công ty là từ hoạt động kinh doanh của Nhà máy thủy điện ĐắkNe và Nhà máy thủy điện Tà Vi. Do Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên cũ là Công ty CP Thủy điện ĐắkNe) được tách ra từ Công ty CP Tấn Phát và nhà máy thủy điện ĐắkNe, sau đó bàn giao lại cho Công ty CP Thủy điện ĐắkNe vận hành. Theo quy định tại khoản 3, điều 20, nghị định số 218/2013/NĐ-CP quy định về kế thừa các ưu đãi thuế thì thu nhập từ Nhà máy thủy điện ĐắkNe được kế thừa toàn bộ ưu đãi thuế TNDN còn lại của Công ty CP Tấn Phát, cụ thể:

- Thuế suất ưu đãi 10% áp dụng trong vòng 11 năm kể từ năm 2014.
- Giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014.

6.08 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	3.884.694	42.077.880
Chi phí nhân công	2.427.796.961	2.061.902.589
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.364.254.066	12.470.636.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.245.301.548	5.700.146.702
Chi phí bằng tiền khác	1.025.098.367	1.418.162.753
<b>Cộng</b>	<b>19.066.335.636</b>	<b>21.692.926.516</b>

7. THÔNG TIN KHÁC

7.01 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.266.787.812	20.387.347.991
Phải thu khách hàng và phải thu khác	51.166.590.204	58.864.795.494
Đầu tư dài hạn	170.520.000.000	170.520.000.000
<b>Cộng</b>	<b>224.953.378.016</b>	<b>249.772.143.485</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	231.400.000.000	243.600.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	512.713.668	500.762.855
Chi phí phải trả	5.086.830.281	1.570.282.958
<b>Cộng</b>	<b>236.999.543.949</b>	<b>245.671.045.813</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá trị cổ phiếu đầu tư mua của Công ty chưa niêm yết được ghi nhận theo mệnh giá đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

*Rủi ro thị trường*

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa nguyên liệu đầu vào, tỷ giá hối đoái, lãi suất và các chủ trương chính sách của Nhà Nước.

*Quản lý rủi ro về tỷ giá*

Khách hàng Công ty là đối tác trong nước, do đó Công ty sẽ ít gặp phải rủi ro đáng kể khi tỷ giá có sự biến động.

*Quản lý rủi ro về lãi suất*

Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn, dài hạn và vay các nhân theo hợp đồng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính khá lớn, chiếm tỷ lệ khoảng 44%/Tổng Tài sản của Công ty. Do đó Công ty sẽ gặp phải một số rủi ro về lãi suất khi có sự điều chỉnh lãi suất trên thị trường.

**7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi có khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thoả thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

	30/06/2020		
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Cộng VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.266.787.812	-	3.266.787.812
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.949.557.204	217.033.000	51.166.590.204
Đầu tư dài hạn	-	170.520.000.000	170.520.000.000
<b>Cộng</b>	<b>54.216.345.016</b>	<b>170.737.033.000</b>	<b>224.953.378.016</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Các khoản vay	33.150.000.000	198.250.000.000	231.400.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	512.713.668	-	512.713.668
Chi phí phải trả	5.086.830.281	-	5.086.830.281
<b>Cộng</b>	<b>38.749.543.949</b>	<b>198.250.000.000</b>	<b>236.999.543.949</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>15.466.801.067</b>	<b>(27.512.967.000)</b>	<b>(12.046.165.933)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**  
 Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**7.02 Thông tin về các bên liên quan**

*Danh sách các bên liên quan:*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Trung Việt	Công ty con
Thành viên HĐQT, Ban TGD và Ban kiểm soát	Thành viên chủ chốt

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:*

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
<b>Cho mượn</b>		
Công ty TNHH Trung Việt	63.266.264.000	4.900.000.000
<b>Tạm ứng</b>		
Ông Trần Quang Chung	6.551.919.000	13.000.000
Ông Hoàng Hữu Điền	36.236.906.000	105.000.000
<b>Hoàn ứng</b>		
Ông Hoàng Hữu Điền	31.362.906.000	17.695.880

*Tại ngày 30/06/2020, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:*

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Nợ phải thu khác (TK 138)</b>		
Công ty TNHH Trung Việt	-	42.002.647.000
<b>Phải thu tạm ứng (TK 141)</b>		
Ông Trần Quang Chung	6.564.919.000	13.000.000
Ông Hoàng Hữu Điền	5.500.564.607	626.564.607
Ông Nguyễn Văn Quân	139.788.000	139.788.000

*Thù lao và tiền lương của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc*

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Thu nhập Ban giám đốc, HĐQT và Ban kiểm soát	401.200.000	251.775.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu B09a-DN

**7. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**7.03 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

Người lập biểu

Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng

Hoàng Hữu Điền

Kon Tum, ngày 24 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc



Trần Quang Chung